



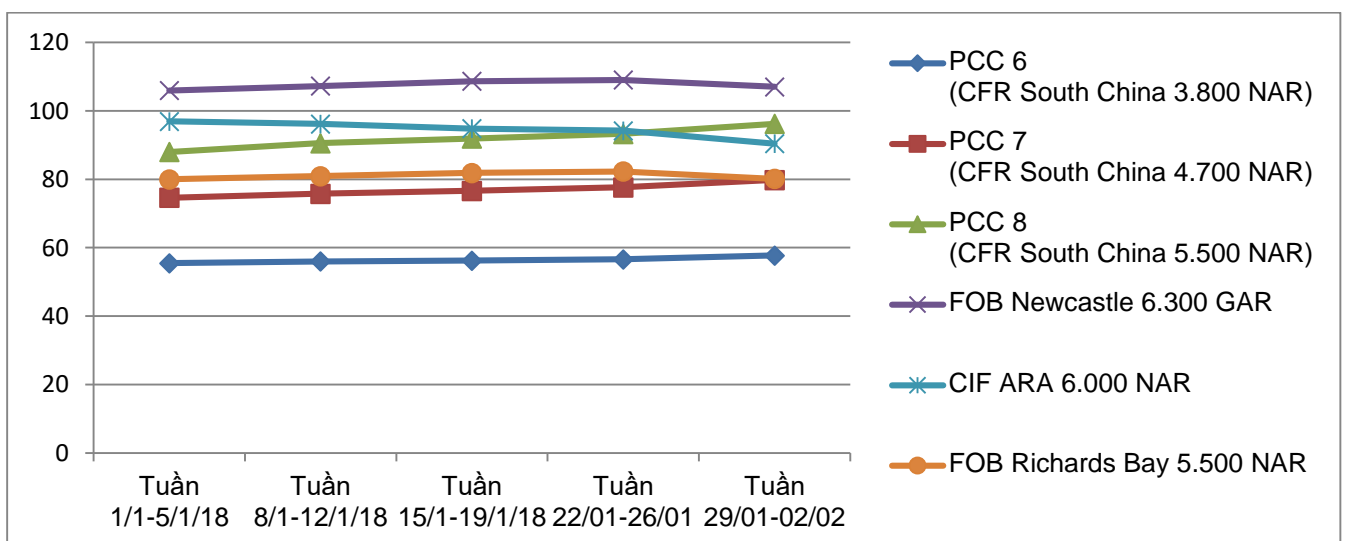
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN TIN THAN THÁNG 1
(Từ 01/01 – 31/01/2018)

I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN

1. GIÁ THAN KHU VỰC

Đơn vị tính: USD/tấn

Chỉ số giá	Tuần 1/1-5/1	Tuần 8/1-12/1	Tuần 15/1-19/1	Tuần 22/1-26/1	Tuần 29/1-2/2
PCC 6 (CFR South China 3,800 NAR)	55,49	56	56,25	56,59	57,74
PCC 7 (CFR South China 4,700 NAR)	74,60	75,79	76,60	77,65	79,78
PCC 8 (CFR South China 5,500 NAR)	87,98	90,55	91,90	93,26	96,22
FOB Newcastle 6,300 GAR	105,94	107,26	108,68	109,04	107,00
CIF ARA 6,000 NAR	96,93	96,15	94,80	94,19	90,43
FOB Richards Bay 5,500 NAR	80,00	80,94	81,84	82,30	80,13
NEWC (FOB Newcastle 6000 NAR)	104,9	106,16	106,39	107,23	108,23

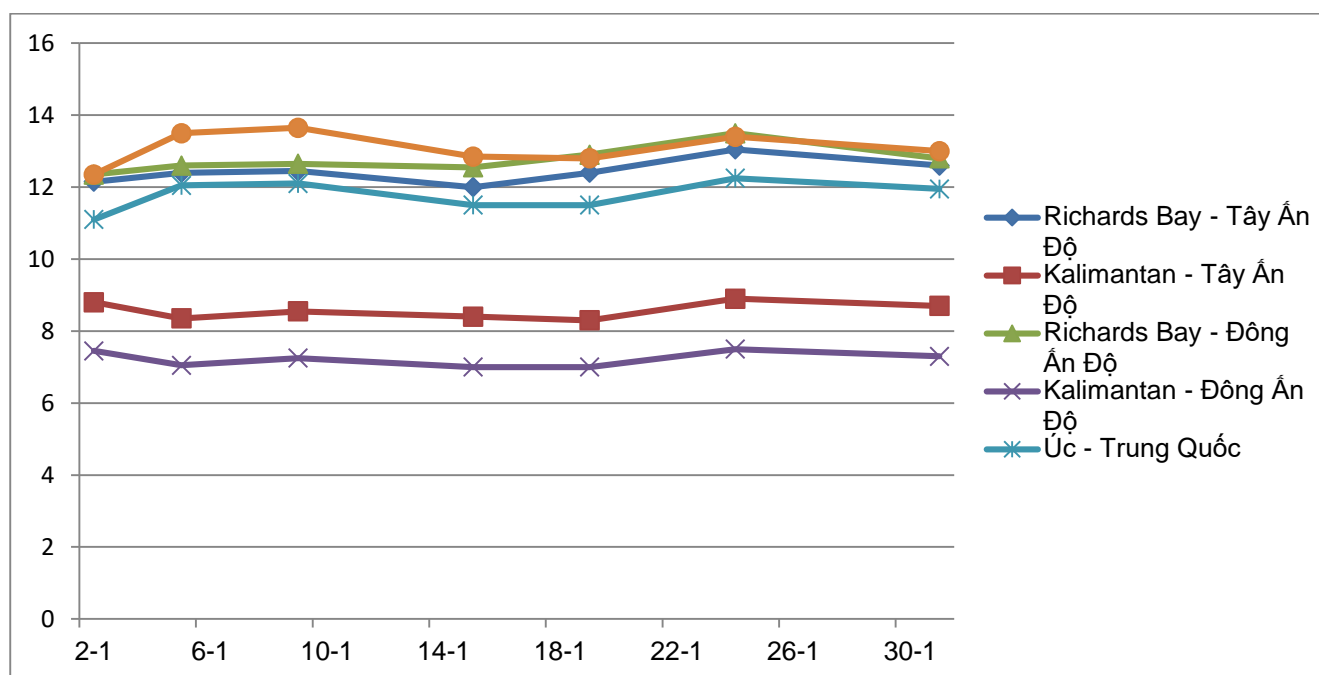


Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tháng 1 (2018)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

2. CUỘC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

	Cước vận tải tháng 1	02/01	05/01	09/01	15/01	19/01	24/01	31/01
Tàu Capesize (150.000 tấn)								
1	Úc – Trung Quốc	7,10	8,55	8,30	7,60	6,80	7,90	7,80
2	Queensland – Nhật Bản	8,15	9,20	8,95	8,25	8,35	9,25	9,10
3	New South Wales – Hàn Quốc	8,40	9,45	9,20	8,50	8,85	9,75	9,60
Tàu Panamax (70.000 tấn)								
1	Richards Bay - Tây Ấn Độ	12,15	12,40	12,45	12,00	12,40	13,05	12,60
2	Kalimantan - Tây Ấn Độ	8,80	8,35	8,55	8,40	8,30	8,90	8,70
3	Richards Bay - Đông Ấn Độ	12,35	12,60	12,65	12,55	12,90	13,50	12,80
4	Kalimantan - Đông Ấn Độ	7,45	7,05	7,25	7,00	7,00	7,50	7,30
5	Úc - Trung Quốc	11,10	12,05	12,10	11,50	11,50	12,25	11,95
6	Úc - Ấn Độ	12,35	13,50	13,65	12,85	12,80	13,40	13,00



Biểu đồ 2: Giá cước vận tải quốc tế tháng 1 (2018)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

II. ĐIỂM TIN

Khối lượng than nhiệt trên sàn giao dịch Đại Tây Dương đạt 70,8 triệu tấn trong tháng 1

Khối lượng than trong các hợp đồng mua bán than nhiệt trên thị trường phái sinh Đại Tây Dương trong tháng 1 đã đạt 70,8 triệu tấn, tăng 55,4% so với tháng 12/2017, nhưng giảm 51,2% so với cùng kỳ năm 2017, theo số liệu của Hiệp hội Thương mại Năng lượng London. Khối lượng giao dịch tăng trong tháng 1 nhờ giá than có kỳ hạn giảm và nhiều nhà đầu tư muốn nâng vị thế của mình trên thị trường. Tuy nhiên theo chuyên gia, các công ty đang đầu tư mạo hiểm khi mua với khối lượng lớn do số lượng khách hàng không tăng lên.

Trong năm 2017, khối lượng giao dịch trên sàn giao dịch phái sinh Đại Tây Dương đạt 1,1 tỷ tấn, giảm 58% so với năm 2016 và giảm 53,6% so với mức trung bình 5 năm trở lại đây. Số liệu cho thấy khối lượng than trong các hợp đồng phái sinh Châu Âu, điều kiện CIF ARA giao tháng 1 đã đạt 52,3 triệu tấn, tăng 59% so với tháng 12/2017, nhưng giảm 50% so với tháng 1/2017. Khối lượng than nhiệt Nam Phi xuất khẩu từ Richards Bay đạt 7,3 triệu tấn, tăng 51% so với tháng 12/2017, nhưng giảm 50% so với cùng kỳ năm ngoái. Thị trường than Australia tương lai, điều kiện FOB Newcastle đạt khối lượng 11,2 triệu tấn trong tháng 1, tăng 43% so với tháng 12/2017, nhưng giảm 58% so với cùng kỳ năm trước.

Việt Nam nhập khẩu 1,16 triệu tấn than trong tháng 1

Trong tháng 1 năm nay, Việt Nam đã nhập khẩu 1,16 triệu tấn than nhiệt, tăng 146,5% so với cùng kỳ năm 2017, theo dữ liệu sơ bộ của Hải quan Việt Nam hôm thứ 5. Indonesia tiếp tục là nước cung cấp than lớn nhất trong tháng này với 599.920 tấn, tăng 249,1% so với năm 2017, tiếp đến là Australia và Nga. Năm 2017, Việt Nam đã nhập khẩu khoảng 14,5 triệu tấn than, tăng 9,9% so với năm 2016, chủ yếu từ Indonesia, Australia, Nga và Trung Quốc. Trong tháng 1, cả nước đã xuất khẩu 183.848 tấn than, tăng 149,6% so với cùng kỳ năm 2017. Tính tổng trong năm 2017, Việt Nam đã xuất khẩu 2,23 triệu tấn than, tăng 79,3% so với năm 2016, chủ yếu sang Nhật Bản và Hàn Quốc.

Tình hình nhập khẩu than của Việt Nam

Nhà cung cấp	Tháng 1/2018	Tháng 12/2017	Tháng 1/2017
Indonesia	599.920	905.390	171.868
Australia	318.575	257.240	0
Nga	154.529	232.822	116.628
Trung Quốc	57.956	54.164	31.973
Malaysia	26.518	15.338	117
Nhật Bản	37	0	0

(Nguồn: Hải quan Việt Nam)

Ấn Độ nhập khẩu 77 triệu tấn than nhiệt trong giai đoạn tháng 4 đến tháng 1

Theo Hiệp hội Cảng Ấn Độ, 12 cảng lớn nhất của nước này đã tiếp nhận khoảng 76,99 triệu tấn than nhiệt trong giai đoạn tháng 4 năm 2017 - tháng 1 năm 2018, giảm 1,8% so với cùng kỳ năm trước đó. Cũng trong thời gian này, các chuyến hàng than cốc nhận được có tổng khối lượng 42,63 triệu tấn, tăng 8% so với năm 2016 - 2017. Cảng Paradip ở bờ biển phía Đông Ấn Độ đã tiếp nhận khối lượng than nhiệt trong giai đoạn tháng 4 - tháng 1 cao nhất trong số các cảng với 23,40 triệu tấn, tăng 7% so với cùng kỳ năm trước đó. Cảng Kolkata, cũng nằm trên bờ biển phía Đông, tiếp nhận khối lượng than cốc cao nhất trong giai đoạn với 10,71 triệu tấn, tăng 6% so với cùng kỳ năm trước đó. 12 cảng này là Kolkata, Paradip, Visakhapatnam, Ennore, Chennai, VO Chidambaranar (Tuticorin), Cochin, Mangalore mới, Mormugao, Mumbai, Jawatharlal Nehru Port Trust (JNPT) và Kandla. Cảng Chennai và JNPT đã không tiếp nhận than trong giai đoạn này.

Sản lượng xuất khẩu than của Nga trong tháng 1 tăng 2% so với tháng trước đó

Lượng than xuất khẩu của Nga trong tháng 1 năm nay đã đạt tổng cộng 14,9 triệu tấn, tăng 2,1% so với tháng 12 năm ngoái và đạt mức cao nhất trong số các tháng được Platts thống kê kể từ năm 2013, theo dữ liệu từ Bộ Năng lượng Nga (Russian Energy Ministry) cho biết. Con số này tăng 3% so với năm ngoái, khi nước này xuất khẩu 14,58 triệu tấn trong tháng 1 năm 2017.

S&P Global Platts đánh giá chỉ số giá than FOB Russia Baltic 6,000 kcal/kg NAR của Nga kỳ hạn 90 ngày ở mức 84,50 USD/tấn và FOB Russia Baltic 6.300 kcal/kg GAR kỳ hạn 90 ngày ở mức 104 USD/tấn.

(Nguồn: Platts)